

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 01/2018/KDTM -ST

Ngày: 20/3/2018

V/v “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán
trong Hợp đồng cung ứng dịch vụ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Bích Thủy.

2/ Ông Nguyễn Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST- KDTM, ngày 27 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng cung ứng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST - KDTM, ngày 07/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐST - KDTM giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại và dịch vụ TC (gọi tắt là Công ty TC).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn C; chức vụ: Giám đốc; (Có mặt).

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu TT (gọi tắt là Công ty TT)

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp TT, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Minh B; chức vụ: Giám đốc; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2017; các lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/10/2013 Công ty TC và Công ty TT có ký Hợp đồng thi công lắp đặt hệ thống điện sau trạm. Theo đó, Công ty TC cung cấp thiết bị, vật tư và thi công lắp đặt hệ thống điện sau trạm cho nhà máy sản xuất ván ghép thanh thuộc Công ty TT tại Cụm Công nghiệp TT, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Giá trị hợp đồng là 550.000.000đ, trong quá trình thi công phát sinh một số hạng mục nên tổng giá trị của Hợp đồng là 913.461.386đ.

Theo biên bản xác nhận công nợ ngày 06/8/2015 thì Công ty TT còn nợ Công ty TC số tiền 623.461.386đ, Công ty TT hẹn đến ngày 30/9/2015 sẽ thanh toán dứt điểm cho Công ty TC. Vì Công ty TT không thực hiện đúng cam kết nên Công ty TC khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TT phải trả cho Công ty TC số tiền còn nợ là 623.461.386đ và tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền 623.461.386đ tính từ ngày 30/9/2015 đến ngày 06/9/2016 là 77.153.000đ. Tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi Công ty TC yêu cầu Công ty TT phải trả là 700.614.386đ (*Bảy trăm triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, ba trăm tám mươi sáu đồng*), ngày 09/01/2017 Công ty TT đã thanh toán cho Công ty TC được 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) và hứa sẽ thanh toán dứt điểm số tiền còn lại vào 30/9/2017 nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Vì vậy, Công ty TC yêu cầu Tòa án buộc Công ty TT phải trả cho Công ty TC số tiền còn nợ là 600.614.386đ (*Sáu trăm triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, ba trăm tám mươi sáu đồng*).

Bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu TT (gọi tắt là Công ty TT).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt cũng như không nộp cho Tòa văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cung cấp chứng cứ cho Tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Công ty TC khởi kiện yêu cầu Công ty TT có nghĩa vụ trả nợ gốc số tiền 523.461.286đ và tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền 623.461.386đ tính từ ngày 30/9/2015 – 06/9/2016 là 77.153.000đ là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho bị đơn các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 178 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đều không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 03/10/2013 Công ty TC và Công ty TT có ký Hợp đồng số 01/HĐ/TTR – TCN/2013, theo đó, Công ty TC cung cấp thiết bị, vật tư và thi công lắp đặt hệ thống điện sau trạm cho nhà máy sản xuất ván ghép thanh thuộc Công ty TT tại Cụm Công nghiệp TT, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Giá trị của Hợp đồng là 550.000.000đ, trong quá trình thi công phát sinh một số hạng mục, nên thời gian thi công và chi phí tăng thêm, hai bên có ký kết hai phụ lục hợp đồng số 01/01/14/PLHĐ – TC, ngày 02/01/2014 và số 01/2015/PLHĐ, ngày 07/9/2015 nâng tổng giá trị của Hợp đồng lên 913.461.386đ.

Căn cứ biên bản xác nhận công nợ ngày 06/8/2015 thì Công ty TT còn nợ Công ty TC số tiền 623.461.386đ, hai bên thỏa thuận thanh toán số nợ trên trước ngày 30/9/2015 nhưng Công ty TT không thanh toán nợ đúng hạn nên Công ty TC khởi kiện ra Tòa, trong quá trình giải quyết Công ty TT có trả cho Công ty TC được số tiền là 100.000.000đ vào ngày 09/01/2017 và hẹn thanh toán dứt điểm số tiền còn lại trước ngày 30/9/2017 nhưng đến nay Công ty TT vẫn còn nợ Công ty TC số tiền 523.461.386đ. Vì vậy, Công ty TC khởi kiện yêu cầu Công ty TT thanh toán số nợ trên là có căn cứ theo quy định tại Điều 519 Bộ Luật dân sự 2015 nên được chấp nhận

Về tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền 623.461.386 tính từ ngày 30/9/2015 đến ngày 06/9/2016 là 77.153.000đ, việc yêu cầu của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận, đồng ý trả theo biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2016 tại Tòa án nhân dân huyện M là phù hợp theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại nên được chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi Công ty TT có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TC là 600.614.386đ.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 306 và Điều 319 của Luật Thương mại; Các Điều 513, 515 và 519 Bộ luật dân sự 2015; Điều 6, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu TT phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại và dịch vụ TC là 600.614.386đ (*Sáu trăm triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, ba trăm tám mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu TT phải chịu 28.025.000đ (làm tròn) (*Hai mươi tám triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại.

Công ty TC không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại và dịch vụ TC số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.006.000đ (*Bảy triệu không trăm lẻ sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000914 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 20/3/2018). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân

Thành viên Hội đồng xét xử:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Nguyễn Hồng Thanh

Trần Thị Bích Thủy

Nguyễn Thị Bích Vân

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Xuân Minh

Trần Thị Bích Thủy

Phạm Minh Vương